

TOA AN NHÂN DÂN
HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 16/5/2019

“V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung khi ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Bính và ông Vũ Kim Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà, thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Doan, kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 20/2019/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị L, sinh năm 1979; ĐKKH & trú tại: xóm 9, xã KT, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Mai Văn P, sinh năm 1977; ĐKKH & trú tại: xóm 9, xã KT, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Phạm Thị L trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết trình bày: Chị và anh Mai Văn P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã KT, huyện K, tỉnh Ninh Bình ngày 21/01/1997. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với bố mẹ anh P được thời gian ngắn thì vợ chồng anh chị ra

ở riêng. Vợ chồng chung sống hòa thuận được 2-3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh P thường xuyên rượu chè, say sỉn khi chị và gia đình phân tích động viên anh P không thay đổi mà còn kiên cố thường xuyên đánh đập chị, chị đã cố gắng chịu đựng vì các con và vì anh chị là người theo đạo Công giáo không được phép ly hôn, mong anh P thay đổi từ bỏ rượu chè cùng nhau làm kinh tế nuôi dạy con cái nhưng anh P không thay đổi mà ngày càng quá ra; mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nặng nề kéo dài nhiều năm không giải quyết được. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh P không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng không còn khả năng duy trì cuộc sống chung. Vì vậy chị yêu cầu giải quyết được ly hôn anh P để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 04 con chung là Mai Văn M, sinh ngày 01-11-1997; Mai Văn N, sinh ngày 28-8-1999; Mai Văn V, sinh ngày 02-9-2004 và Mai Văn Đ, sinh ngày 05-02-2009. Khi ly hôn chị xin được tiếp tục trực tiếp nuôi 02 con chung là V và Đ, không yêu cầu anh P đóng tiền cấp dưỡng nuôi 02 con cho chị; Đối với 02 con chung Mai Văn M và Mai Văn N vì các con đã khôn lớn trưởng thành tự lập, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Mai Văn P : Mặc dù có mặt tại địa phương đã nhận được thông báo thụ lý của TAND huyện K về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn do chị L khởi kiện nhưng không có văn bản nêu ý kiến trả lời yêu cầu khởi kiện của chị L; không tham gia các giai đoạn tố tụng tiếp theo; từ chối không hợp tác làm việc với Tòa án.

Con chung của hai anh chị là các cháu Mai Văn Đ, Mai Văn V thuộc trường hợp được Tòa án lấy ý kiến theo quy định của luật Hôn nhân gia đình, khi được hỏi ý kiến có mong muốn được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K:

Về tố tụng : Nguyên đơn và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự , bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ; Điều 147, 227 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14. Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị L và anh Mai Văn P; giao chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung Mai Văn Đ, Mai Văn V; anh Phong không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung với chị L; chị L phải nộp 300.000^d án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Thị L khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn với anh Mai Văn P cư trú tại xóm 9, xã KT, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại điều 27 và 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K. Anh Mai Văn P được Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị L thì thấy rằng : Chị L và anh P kết hôn tự nguyện hợp pháp; sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hòa thuận một một thời gian thì mới phát sinh mâu thuẫn.

Theo chị L thì nguyên nhân là do anh P thường xuyên rượu chè, say sỉn không có trách nhiệm với gia đình khi được chị và gia đình phân tích động viên anh P không thay đổi mà còn kiêu căng bạo hành chị; mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nặng nề kéo dài nhiều năm không giải quyết được. Để chứng minh cho trình bày của mình chị đã cung cấp xác nhận của người làm chứng về việc chị thường bị anh Phong bạo hành về thể chất tinh thần.

Anh P có mặt tại địa phương đã nhận được thông báo thụ lý của TAND huyện K về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn do chị L khởi kiện nhưng không có văn bản nêu ý kiến trả lời yêu cầu khởi kiện của chị L; không tham gia các giai đoạn tố tụng tiếp theo. Mặc dù biết chị L yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn nhng anh P không có biện pháp nào khắc phục mâu thuẫn nhằm duy trì hôn nhân, không tham gia các phiên hòa giải do Tòa án tổ chức, có ý bỏ mặc không quan tâm đến cuộc sống chung.

Xác minh tình trạng hôn nhân của chị L và anh P tại UBND xã KT thì chính quyền địa phương xác vợ chồng anh P chị L có mâu thuẫn nên không chung sống cùng nhau.

Từ những căn cứ đó đã có đủ cơ sở xác định tình mâu thuẫn vợ chồng giữa anh P và chị L không còn khả năng khắc phục; tình trạng hôn nhân của chị L và anh P hiện nay đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống chung; căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình yêu cầu của chị L ly hôn anh P là có căn cứ được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng anh P và chị L có 04 con chung là Mai Văn M, sinh ngày 01-11-1997; Mai Văn N, sinh ngày 28-8-1999; Mai Văn V, sinh ngày 02-9-2004 và Mai Văn Đ, sinh ngày 05-02-2009. Khi ly hôn chị L xin được tiếp

tục trực tiếp nuôi 02 con chung là V và Đ, không yêu cầu anh P đóng tiền cấp dưỡng nuôi 02 con chung chưa thành niên với chị; Đối với 02 con chung Mai Văn M và Mai Văn N vì các con đã khôn lớn trưởng thành tự lập, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vấn đề này HĐXX thấy rằng anh P không có ý kiến với yêu cầu này của chị L; các con chung đã thành niên tự lập HĐXX không xem xét đến; đối với các con chung chưa thành niên khi được hỏi nguyện vọng đều có nguyện vọng được ở với mẹ; hiện tại các cháu đang được chị L trực tiếp nuôi dưỡng vì vậy căn cứ Điều 81 luật HNGĐ việc giao con Mai Văn V và Mai Văn Đ cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị trong khi hiện nay chị L xác định đang buôn bán nhỏ thu nhập thực tế đảm bảo cho sinh hoạt học tập của các con nhưng không có chứng cứ chứng minh chị có điều kiện nuôi dưỡng chăm sóc con chung mà không cần hỗ trợ của anh P; mặc dù đã được giải thích nhưng chị L vẫn từ chối yêu cầu anh P đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị; yêu cầu của chị là hoàn toàn tự nguyện được chấp nhận không buộc anh P phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị L.

[5] Về tài sản chung: Khi ly hôn hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ quy định tại điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 buộc chị L phải nộp toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật HNGĐ; Điều 147, 227, 228 Bộ luật TTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị L với anh Mai Văn P.

2/ Giao chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung là Mai Văn V, sinh ngày 02-9-2004 và Mai Văn Đ, sinh ngày 05-02-2009 đến khi thành niên. Anh P không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L. Không bên nào được cản trở quyền thăm nom chăm sóc con chung.

3/ Chị Phạm Thị L phải nộp 300.000^d án phí ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000^d tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA 2963 ngày 15/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã KT;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thế Anh

